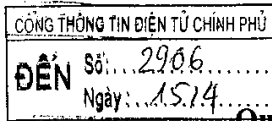


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 12 /2013/QĐ-UBND

An Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
lệ phí đăng ký, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý

và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm;

Theo đề nghị của Giám đốc sở Tài Chính tại Tờ trình số 149/TTr-STC ngày 07 tháng 04 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng áp dụng:

1. Đối tượng nộp phí, lệ phí:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án;

b) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu và được cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên; cung cấp bản sao văn bản chứng nhận nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

2. Không áp dụng thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm vay vốn tại tổ chức tín dụng để sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

b) Yêu cầu sửa chữa sai sót về nội dung đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng cho thuê tài chính do lỗi của Đăng ký viên;

c) Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, yêu cầu thay đổi nội dung đã thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, xóa thông báo việc kê biên.

3. Không áp dụng thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm đối với các trường hợp sau:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân yêu cầu cấp văn bản chứng nhận nội dung đăng ký trong trường hợp đăng ký trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên;

b) Chấp hành viên yêu cầu cung cấp thông tin về tài sản kê biên;

c) Điều tra viên, kiểm sát viên và Thẩm phán yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động tố tụng.

4. Các cơ quan có thẩm quyền thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm có trách nhiệm thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí theo quy định tại Quyết định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Thẩm quyền thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm:

1. Văn phòng Đăng ký đất và thông tin tài nguyên môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị, thành.

Điều 3. Mức thu phí, lệ phí:

1. Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm.

STT	Các trường hợp nộp lệ phí	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	70.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000
4	Xóa đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000

2. Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án) là 30.000 đồng/trường hợp.

Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí:

1. Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan thu phí, lệ phí được trích để lại 100% tổng số tiền phí, lệ phí thu được để bổ sung vào các khoản chi cho hoạt động của đơn vị.

3. Chi phí cho công tác tổ chức quản lý thu do đơn vị thu lập dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp vào dự toán chi ngân sách hàng năm.

4. Đơn vị thu có trách nhiệm đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu phí theo quy định hiện hành.

5. Thủ tục thu, nộp và thời gian nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số

45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 70/2007/QĐ-UBND ngày 26/10/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký và phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *gmr*

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Báo AG, Đài PTTH AG, Phân xã AG;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Thế Năng